

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 25 - 3 - 2024

“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đàm Thị Thanh Loan.

Ông Nguyễn Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tỏa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 218/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Văn K**, sinh năm 1988.(có mặt)

Địa chỉ: ấp Long A, xã Tân L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Chị **Phan Thị Hồng N**, sinh năm 1990.(vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm Tân C, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Văn K trình bày:**

Anh với chị Phan Thị Hồng N quen biết nhau và tiến tới hôn nhân. Hai người tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/9/2010. Thời gian đầu cuộc

sống hôn nhân rất hạnh phúc và có 01 người con chung tên Lê Thị Hồng M, sinh ngày 14/3/2011, hiện con đang sống chung với chị Hồng N. Nhưng thời gian gần đây giữa anh với chị Hồng N thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và đã ly thân với nhau từ năm 2013 đến nay. Nay nhận thấy giữa anh với chị Hồng N không còn tình cảm nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về hôn nhân: Anh xin ly hôn với chị Phan Thị Hồng N.

- Về con chung: Anh đồng ý giao con chung tên Lê Thị Hồng M, sinh ngày 14/3/2011 cho chị Phan Thị Hồng N được quyền nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét và giải quyết.

* **Bị đơn Chị Phan Thị Hồng N vắng mặt.** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy Nên, phía chị N không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ cư trú: Khóm Tân C, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Nên HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- *Về nội dung:*

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo nguyên đơn trình bày thì cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/9/2010. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với tài liệu đã cung cấp là giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/9/2010 (BL 03) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện giữa hai người đã ly thân với nhau từ năm 2013 đến nay. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy Nên, do cuộc sống của vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[4] *Về con chung*: Theo nguyên đơn trình bày giữa hai người có 01 đứa con chung tên Lê Thị Hồng M, sinh ngày 14/3/2011. Nguyên đơn đồng ý giao con chung cho bị đơn được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, hiện con chung có cuộc sống ổn định cùng với bị đơn. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 21/3/2024 thì con chung trình bày: “*hiện con đang sống chung với mẹ, khi cha mẹ ly hôn thì con có nguyện vọng được sống chung với mẹ*”. Do đó, HĐXX giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Dành quyền cho nguyên đơn được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở nguyên đơn thực hiện quyền này.

[5] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn*: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn anh Lê Văn K được ly hôn với bị đơn chị Phan Thị Hồng N.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Lê Thị Hồng M, sinh ngày 14/3/2011 cho chị Phan Thị Hồng N được trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi.

Dành quyền cho anh Lê Văn K được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002482, ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- UBND xã Tân L, thị xã N;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn